

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 - 5 - 2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lý

Ông Trần Đình Đường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Đình S, sinh năm 1983;

Địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã DM (nay là xóm 1, thôn T, xã MC), huyện D, tỉnh Nghệ An; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1989;

Địa chỉ cư trú: Xóm 1, xã DM (nay là xóm 1, thôn T, xã MC), huyện D, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ cư trú hiện nay: BLK 116, #11-592, S Street 1, Singapore 520116; vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Phạm Đình S trình bày:

Anh và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã DM, huyện D, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2013, Quyền số 01 - 2007. Sau nhiều năm chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Hiện tại, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Đình S đang cư trú tại Việt Nam nhưng do bận nhiều công việc nên anh không thể tham gia phiên tòa được và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Trần Thị T đang cư trú và làm việc tại nước Cộng hòa Singapore. Chị T đã được anh Phạm Đình S thông báo về việc anh S nộp đơn ly hôn với chị tại Tòa án. Do đó, chị T đã gửi hộ chiếu, giấy chứng minh nhân dân, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trình bày:

Chị và anh Phạm Đình S kết hôn trên tinh thần tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An vào ngày 27/02/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2013, Quyền số 01 - 2007. Sau nhiều năm chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh S làm đơn ly hôn thì chị T cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị T đang cư trú và làm việc tại nước Cộng hòa Singapore, do đại dịch Covid -19 đi lại khó khăn nên chị không có điều kiện về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Đình S. Do đó, chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị. Đồng thời, chị ủy quyền cho bà Trần Thị M là mẹ đẻ của chị, trú tại: Xóm 4, xã X, huyện Ng, tỉnh Hà Tĩnh nộp các tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án ly hôn không có tranh chấp con chung, tài sản chung và Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát không phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Đình S đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với

chị Trần Thị T đang cư trú tại nước Cộng hòa Singapore; trước xuất cảnh, chị T có địa chỉ cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 37, Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về thủ tục hòa giải: Căn cứ vào khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn chị Trần Thị T không thể tham gia hòa giải được do đang ở nước ngoài.

Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Phạm Đình S đang cư trú tại tỉnh Nghệ An, Việt Nam đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, viết bản tự khai và cung cấp đầy đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhưng vì bận công việc, không tham gia phiên tòa được nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị T đang ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã gửi hộ chiếu, bản tự khai, giấy ủy quyền và đơn xin xét xử vắng mặt (được hợp pháp hóa lãnh sự, có chứng nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh S và chị T phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về các tài liệu và chứng cứ mà các bên đã cung cấp cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình S và chị Trần Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DM, huyện D, tỉnh Nghệ An vào ngày 27/02/2013, là hôn nhân hợp pháp. Sau nhiều năm chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Do đó, chị T đi xuất khẩu lao động sang nước Cộng hòa Singapore cho đến nay chưa về Việt Nam. Hiện tại, anh S và chị T đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên mong muốn ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Phạm Đình S và chị Trần Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Phạm Đình S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Phạm Đình S và chị Trần Thị T không có con chung, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Đình S và chị Trần Thị T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phạm Đình S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 37; Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 469; Điều 478 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự Việt Nam năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Việt Nam về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm Đình S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đình S và chị Trần Thị T được ly hôn.
2. Về con chung: Anh Phạm Đình S và chị Trần Thị T không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phạm Đình S và chị Trần Thị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí: Anh Phạm Đình S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003934 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Anh Phạm Đình S đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.
5. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Đình S có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết. Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã DM, huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quỳnh

